TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:10/2024/DS-PT
Ngày: 05 – 3 - 2024
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung
Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Long
Bà Ngô Thị Kim Châu
Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Nhả, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2024/TLPT-DS ngày 23 tháng 01 năm 2024 về "*Tranh chấp quyền sử dụng đất, xin chia tài sản chung*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 113/2023/DS-ST, ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2024/QĐPT-DS ngày 23 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị K, sinh năm 1957; (có mặt)
Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Võ Trung D - Văn phòng L3 thuộc Đoàn luật sư tỉnh T.
- *Bị đơn:* Ông Võ Thành H, sinh năm 1979; (có mặt)
Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Nguyễn Tấn L, sinh 1987
Địa chỉ: số G khóm A, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (văn bản ủy quyền ngày 15/02/2024).
- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*
1/ Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1952; (Vắng mặt)
2/ Bà Võ Thị Loan A, sinh năm 1952; (Vắng mặt)
3/ Ông Võ Văn A1, sinh năm 1963; (Vắng mặt)
4/ Bà Võ Thị Ú, sinh năm 1976; (Vắng mặt)
Cùng địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
5/ Ông Võ Thành L1, sinh năm 1971; (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
6/ Bà Võ Thị Thu C, sinh năm 1967; (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
7/ Ông Võ Thanh T, sinh năm 1969. (Có mặt)
Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.
8/ Bà Tô Thị C1, sinh năm 1933. (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người kháng cáo*: Ông Võ Thành H là bị đơn và Võ Thanh T là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/9/2022 của bà Võ Thị K là nguyên đơn trình bày:

Ông Võ Văn C2 (chết năm 2004) và bà Tô Thị C1 có với nhau 09 người con chung gồm: Võ Văn Đ, Võ Thị Loan A, Võ Thị K, Võ Văn A1, Võ Thị Thu C, Võ Thanh T, Võ Thành L1, Võ Thị Ú, Võ Thành H. Vào năm 2002 cha, mẹ và các anh chị em bà đã chuyển nhượng đất cho bà Trần Lệ T1 như sau:

- Võ Văn C2 chuyển nhượng 01 công đất và nhận 11.000.000 đồng.

- Tô Thị C1, chuyển nhượng 01 công đất và nhận 11.000.000 đồng.

- Võ Thị Thu C chuyển nhượng 01 công đất và nhận 11.000.000 đồng.

- Võ Thanh T chuyển nhượng 03 công đất và nhận 33.000.000 đồng.

- Võ Thành H chuyển nhượng ngày 22/11/2006 04 công đất lấy trước 10.000.000 đồng. Tổng số tiền bán đất cho bà T1 là: 76.000.000 đồng. Ngoài ra ông Võ Văn A1 cầm cố ba công đất cho ông Mai Văn Q bằng sáu chỉ vàng 24K.

Sau đó bà biết được thông tin này, nên bà đã làm đơn khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng đất và chuộc lại đất. Tòa án đã giải quyết buộc bà Trần Lệ T1 phải trả đất lại cho gia đình bà, còn những người đã nhận tiền bán đất cho bà T1 phải trả tiền bán đất lại cho bà T1 theo trượt giá. Nhưng tất cả những người nhận tiền chuyển nhượng đất đều không có tiền trả cho bà T1 nên bà đã trực tiếp bỏ đủ số tiền thi hành án cho bà T1 và 06 chỉ vàng 24K để chuộc lại ba công đất. Sau đó mẹ bà và các anh chị em bà mới làm tờ thỏa thuận để em ruột bà là Võ Thành H được đứng tên nhận thừa kế để vay vốn Ngân hàng dùm cho bà. Lý do: bà đang bị nợ xấu và quá tuổi lao động nên không đủ điều kiện để vay Ngân hàng.

Ngày 17/01/2020 ông H cùng bà đến Ngân hàng TMCP S, Chi nhánh tỉnh T để làm thủ tục vay 600.000.000 đồng. Số tiền vay bà là người trực tiếp nhận và bà là người trả gốc lãi cho Ngân hàng, nhưng đến ngày 30/5/2022 phía ông H tất toán khoản vay và lấy các phần đất thế chấp. Do đó bà K khởi kiện yêu cầu công nhận các thửa đất: Thửa đất số 20 diện tích 891m^2; thửa đất 618 diện tích 731m^2; thửa đất số 619 diện tích 1420m^2; cùng tờ bản đồ số 38; Thửa đất số 352 diện tích 4.658m^2; thửa đất số 353 diện tích 4.345m^2; thửa đất số 261 diện tích 589m^2 cùng tờ bản đồ

số 34; Các thửa đất nêu trên toạ lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Bà K đồng ý thanh toán cho ông H số tiền 329.000.000 đồng.

- Theo đơn phản tố của bị đơn ông Võ Thành H trình bày:

Các thửa đất số 20, diện tích 891 m^2; thửa đất số 618 diện tích 731 m^2; thửa đất số 619 diện tích 1.420 m^2, cùng tờ bản đồ số 38 và thửa đất số 352, diện tích 4.658 m^2; thửa đất số 353 diện tích 4.345 m^2; thửa đất số 261 diện tích 589 m^2, cùng tờ bản đồ số 34, tất cả cùng tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Đây là tài sản chung giữa ông, ông Võ Thanh T và bà Võ Thị K do ông đại diện đứng tên. Bà Võ Thị K cho rằng các thửa đất nêu trên toàn bộ thuộc quyền sử dụng của bà K là không đúng. Nay ông không đồng ý theo yêu cầu của bà K. Ông yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung như sau: Ông yêu cầu Tòa án phân chia cho ông diện tích 3.844 m^2, cụ thể là 1.524m^2 nằm trong thửa 352; 964m^2 nằm trong 353; 422m^2 nằm trong thửa 261, cùng tờ bản đồ số 34; 76m^2 nằm trong thửa 618; 528m^2 nằm trong thửa 619 và 330m^2 nằm trong thửa 20 cùng tờ bản đồ số 38, các thửa đất cùng tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Ông không yêu cầu nhận số tiền 435.160.812 đồng mà ông đã trả cho Ngân hàng.

- Theo đơn yêu cầu độc lập của ông Võ Thanh T trình bày:

Ông là anh ruột của ông Võ Thành H, các thửa đất số 20, diện tích 891m^2; thửa đất số 618 diện tích 731m^2; thửa đất số 619 diện tích 1.420m^2, cùng tờ bản đồ số 38 và thửa đất số 352, diện tích 4.658m^2; thửa đất số 353 diện tích 4.345m^2; thửa đất số 261 diện tích 589m^2, cùng tờ bản đồ số 34, tất cả cùng tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh là tài sản chung giữa ông, ông Võ Thành H và bà Võ Thị K, do ông Võ Thành H đại diện đứng tên quyền sử dụng đất. Bà Võ Thị K cho rằng các thửa đất nêu trên toàn bộ thuộc quyền sử dụng của bà K và yêu cầu ông H phải trả lại đất là không đúng. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị K. Ông yêu cầu Tòa án phân chia cho ông diện tích 4.346m^2, cụ thể là 1.532m^2 nằm trong thửa 352; 1.563m^2 nằm trong 353; 167m^2 nằm trong thửa 261, cùng tờ bản đồ số 34; 354m^2 nằm trong thửa 618; 393m^2 nằm trong thửa 619 và 338m^2 nằm trong thửa 20 cùng tờ bản đồ số 38, các thửa đất cùng tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 113 /2023/DS-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị K:

Công nhận cho bà Võ Thị K các thửa đất: số 20 diện tích 891m^2; thửa đất 618 diện tích 731m^2; thửa đất số 619 diện tích 1.420m^2; cùng tờ bản đồ số 38; Thửa đất số 352 diện tích 4.658m^2; thửa đất số 353 diện tích 4.345m^2; thửa đất số 261 diện tích 589m^2 cùng tờ bản đồ số 34; Các thửa đất nêu trên toạ lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Văn phòng đăng ký đất đai, Cơ quan Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Võ Thành H yêu cầu chia thừa kế cho ông diện tích 3.844 m^2, cụ thể là diện tích 1.524m^2 nằm trong thửa 352; diện tích 964m^2 nằm trong 353; diện tích 422m^2 nằm trong thửa 261, cùng tờ bản đồ số 34; diện tích 76m^2 nằm trong thửa 618; diện tích 528m^2 nằm trong thửa 619 và diện tích 330m^2 nằm trong thửa 20 cùng tờ bản đồ số 38, các thửa đất cùng tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Võ Thanh T là yêu cầu phân chia cho ông T2 diện tích 4.346m^2, cụ thể là diện tích 1.532m^2 nằm trong thửa 352; diện tích 1.563m^2 nằm trong 353; diện tích 167m^2 nằm trong thửa 261, cùng tờ bản đồ số 34; diện tích 354m^2 nằm trong thửa 618; diện tích 393m^2 nằm trong thửa 619 và diện tích 338m^2 nằm trong thửa 20 cùng tờ bản đồ số 38, các thửa đất cùng tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh

Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự: Bà Võ Thị K có nghĩa vụ thanh toán cho ông Võ Thành H số tiền tổng cộng bằng 491.505.433 đồng (Trong đó vốn gốc bằng 435.160.812 đồng cùng lãi suất tính đến ngày 18/9/2023 bằng 56.344.621 đồng)"

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên tiền án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/9/2023 ông Võ Thành H và ông Võ Thanh T kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm chấp nhận đơn yêu cầu phản tố của ông H và đơn yêu cầu độc lập của ông T.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn: Yêu cầu kháng cáo của ông Võ Thanh H1 và ông Võ Thanh T là không có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ 6 thửa đất của ông C2 đã chuyển nhượng cho bà Trần Lệ T1 nhưng không được các thành viên hộ gia đình đồng ý. Sau khi Tòa án xét xử các đồng thừa kế của ông C2 không ai có tiền để thi hành án nhận lại đất. Bà K mới yêu cầu thi hành án và nhờ ông H1 vay tiền dùm cho bà để thi hành án. Sau khi ông H1 vay tiền Ngân hàng bà K là người trả tiền vốn và lãi vay cho Ngân hàng từ khi vay đến ngày 30/5/2022. Tại các biên bản hòa giải, đối chất ông H1 thừa nhận là đất của bà K, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T và ông H1 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh về vụ án:

- *Về thủ tục tố tụng*: Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Trong vụ án tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Võ Thanh T với bà Trần Lệ T1 thì bà K đứng ra tranh chấp và

được Tòa án sơ thẩm xét xử năm 2018 và phúc thẩm xét xử năm 2019 giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà T1 trả lại các thửa đất cho hộ ông C2. Sau đó những người trong hộ ông C2 và các đồng thừa kế đều có văn bản thống nhất giao đất cho ông Võ Thành H và ông H đã đứng tên các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, từ thời điểm các thành viên hộ ông C2 và các đồng thừa kế đồng ý ký tên giao các thửa đất tranh chấp cho ông Hiệp đồng thời ông H được UBDN huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy định của pháp luật về đất đai.

Tuy nhiên, thực tế bà K là người quản lý, sử dụng phần đất trên cho đến nay. Trong quá trình sử dụng bà K có cho người khác thuê 02 năm sau đó lấy đất lại và thuê xe cuốc đắp đê bao xung quanh phần đất này. Trong quá trình này các anh, chị em không ai ngăn cản, tranh chấp. Sự việc này cũng được Toà án cấp sơ thẩm xác minh những người xung quanh gần đó và chính quyền địa phương, nhà ông H cũng ở gần nhưng ông H không có tranh chấp việc bà K sử dụng đất cũng như cho thuê đất. Quá trình bà K sử dụng đất cũng phù hợp với lời trình bày của bà K, tại lần hoà giải tại UBND xã H ông H cũng đồng ý trả lại đất cho bà K, cũng như quá trình trả nợ vay tiền bà K là người đứng ra trả nợ. Tại biên bản đối chất ngày 26/5/2023 cũng như tại phiên toà hôm nay ông H và ông T cũng thừa nhận bà K là người trả vốn và lãi cho Ngân hàng từ 17/10/2020 đến 30/5/2022. Cho thấy việc ông H đứng tên QSDĐ để vay tiền ngân hàng dùm bà K là có thật nên mới có việc bà K trả vốn và lãi cho Ngân hàng từ 17/10/2020 đến 30/5/2022.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là những người thuộc hàng thừa kế của ông C2 gồm các con của ông C2 là bà C, ông A1, ông Ú, ông L1 có bản tự khai xác nhận phần đất tranh chấp này là do bà Võ Thị K khởi kiện thắng và họ cũng thống nhất phần đất này là của bà K. Đối với ông Đ, bà Loan A thì không có tranh chấp hay yêu cầu gì với phần đất này.

Toà án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với ông T đã ký tên từ chối nhận di sản và giao cho ông H nên không còn quyền định đoạt đối với phần đất tranh chấp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp yêu cầu kháng cáo của ông H và ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Võ Thành H và ông Võ Thanh T còn trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Các thửa đất số 20 diện tích 891m^2; thửa đất 618 diện tích 731m^2; thửa đất số 619 diện tích 1.420m^2; cùng tờ bản đồ số 38; Thửa đất số 352 diện tích 4.658m^2; thửa đất số 353 diện tích 4.345m^2; thửa đất số 261 diện tích 589m^2 cùng tờ bản đồ số 34 toạ lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh có nguồn gốc từ ông Võ Văn C2 và bà Tô Thị C1.

Ông C2, bà C1 và các con có chuyển nhượng một phần cho bà Trần Lệ T1 nhưng không được sự đồng ý của các thành viên hộ gia đình nên ông Võ Thanh T khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng đất. Tại bản án dân sự phúc thẩm số 27/2019/DS-PT ngày 07/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xử buộc bà Trần Lệ T1 trả lại đất cho những người thừa kế của ông Võ Văn C2 và các thừa kế phải trả lại cho bà T1 460.680.000 đồng. Bà Võ Thị K là người trực tiếp nộp tiền và yêu cầu cơ quan thi hành án thi hành buộc bà T1 giao lại đất. Ngày 05/11/2019 các hàng thừa kế thứ nhất của ông Võ Văn C2 đã lập văn bản phân chia tài sản thừa kế giao cho ông Võ Thành H nhận hàng thừa kế nên ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Xét kháng cáo của ông Võ Thành H, ông Võ Thanh T khai cho rằng thửa đất số 20 diện tích 891m^2; thửa đất 618 diện tích 731m^2; thửa đất số 619 diện tích 1.420m^2; cùng tờ bản đồ số 38; Thửa đất số 352 diện tích 4.658m^2; thửa đất số 353 diện tích 4.345m^2; thửa đất số 261 diện tích 589m^2 là tài sản chung của bà Võ Thị K và hai ông.

Bà Võ Thị K không thừa nhận đây là tài sản chung mà đây là tài sản riêng của bà do các anh em và bà C1 không có tiền thi hành án nên bà phải nhờ ông H vay Ngân hàng 500.000.000 đồng để nộp cho thi hành án cho bà T1 để bà nhận đất và để cho ông H đứng tên quyền sử dụng đất, sau khi ông H đứng tên quyền sử dụng đất ông H vay 600.000.000 đồng để đáo hạn khoản 500.000.000 đồng vay dùm cho bà và hàng tháng bà trả vốn lãi cho Ngân hàng. Đến 30/5/2022 ông H trả tất toán các khoản nợ với Ngân hàng và lấy giấy chứng nhận quyền sử đất ra nhưng không chịu giao giấy chứng nhận đất cho bà.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm ông H nại ra khoản tiền vay Ngân hàng dùm cho bà K do vợ là Lê Thị L2 và ông có thanh toán một phần nợ cho ngân hàng nên phần đất này là của chung ông, ông T và bà K. Bà K không thừa nhận ông H và bà L2 bỏ tiền ra trả nợ Ngân hàng mà do bà xuất tiền ra nhờ ông H và bà L2 đi trả dùm cho bà.

Theo tài liệu do Ngân hàng S1 cung cấp cho Tòa án cấp phúc thẩm thể hiện ngày 16/01/2019 bà Lê Thị L2 có trả cho Ngân hàng 18.372.685 đồng. Ngày 17/5/2021 ông H thanh toán 57.485.000 đồng, ngày 22/9/2021 ông H thanh toán 56.541.000 đồng. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm ông H không có yêu cầu bà K phải trả lại số tiền ông đã trả Ngân hàng thay cho bà K, sau khi án sơ thẩm xử ông cũng không có kháng cáo số tiền Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của bà K trả lại tiền cho ông H. Nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết khoản tiền của ông H và bà L2 đã trả nợ ngân hàng thay cho bà K. Tại phiên Tòa ông H thừa nhận chữ ký tên trong giấy nộp tiền ngày 17/5/2021, ngày 22/9/2021 không phải là chữ ký tên và viết họ và tên Võ Thanh H1 là của ông.

Tại biên bản đối chất ngày 26/05/2023 ông H1 thừa nhận bà K là người đóng lãi và trả vốn cho Ngân hàng đến ngày 30/5/2022; trong trường hợp bà K và ông H1 không thỏa thuận được khoản tiền bà L2 và ông H1 trả nợ Ngân hàng thay cho bà K thì ông H1 được khởi kiện vụ án khác.

Ông H1 cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông là người đã bỏ tiền ra để thi hành án thay cho hộ ông Võ Văn C2. Tại các bút lục số 121,123,125 biên lai nộp tiền thi hành án là do bà Võ Thị K nộp cho cơ quan thi hành án.

[5] Sau khi được cơ quan thi hành án giao đất ngày 05/11/2019 các thừa kế của ông Võ Văn Chính thống n giao cho đất cho ông Võ Thành H đứng tên quyền sử dụng đất và toàn quyền quyết định. Bà K khai các anh chị em không ai có tiền để thi hành án cho bà Trần Lệ T1 nên bà nhờ ông H vay của Ngân hàng 500.000.000 đồng để thi hành án và nhận lại đất; do bà bị nợ xấu không vay được Ngân hàng nên nhờ em là Võ Thành H đứng tên dùm các thửa đất để vay Ngân hàng S1 600.000.000 đồng. Trên thực tế, sau khi vay nợ Ngân hàng hàng tháng bà K có trả vốn và lãi cho ngân hàng đến ngày 30/5/2022 ông H trả số tiền vay còn lại cho Ngân hàng để rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra, ông H mới nại ra là đất chung của ông T, bà K và ông T.

[6] Ông H cho rằng diện tích các thửa đất trên là của chung của ông và bà K và ông T là không có cơ sở để chấp nhận. Bởi các lẽ sau:

Thứ nhất, tại biên bản hòa giải ngày 25/8/2022 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh thì ông Hiệp đồng ý trả lại các thửa đất tranh chấp cho bà Võ Thị K, ông H xin bà K cho ông 1 mét ngang dài hết đất.

Thứ hai, đoạn ghi âm giữa bà K và ông H và cán bộ tín dụng về khoản tiền vay đến hạn chưa trả. Trong đoạn ghi âm này ông T thừa nhận giọng nói của ông và cũng thừa nhận đất là của bà K không phải đất của ông.

Thứ ba, từ sau khi cơ quan thi hành án giao đất bà K thuê máy đào đất đắp xung quanh thửa đất, ông T và ông H cũng không có khiếu nại hay tranh chấp gì.

Thứ tư, theo lời khai của những người sống gần phần đất tranh chấp cùng xác định bà K là người quản lý các thửa đất.

Mặt khác, ông H cho rằng đất là của chung của ba người là bà K và ông và ông T là không phù hợp với văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 05/11/2019. Theo văn bản này thì tòan bộ các thửa đất đang tranh chấp là thuộc quyền sử dụng của ông T nhưng sau khi bà K khởi kiện, tại biên bản tiếp xúc của Ủy ban nhân dân xã thì ông H cho rằng thửa đất ông vay 600.000.000 đồng bà K trả hơn 170.000.000 đồng còn lại ông trả nên ông xin nhận 10 mét ngang còn 20 mét giao lại cho bà K và ông T. Sau đó ngày 13/4/2023 ông T là đơn yêu cầu phản tố cho rằng sáu thửa đất ông đứng tên là tài sản chung của ông và bà K và ông T. Lời khai của ông H có nhiều mâu thuẫn nhau.

Từ đó có cơ sở khẳng định ông H chỉ là người đứng tên quyền sử dụng đất cho bà K.

[7] Xét kháng cáo của ông Võ Thanh T cho rằng các thửa đất bà K và ông H tranh chấp là tài sản chung giữa bà K, ông và ông H nhưng bà K không thừa nhận, theo văn bản phân chia di sản ngày 05/11/2019 ông T đã khước từ hưởng di sản tài sản và tặng cho tài sản chung của hộ nên việc ông yêu cầu chia cho ông 4.346 m^2 đất nằm trong diện tích tranh chấp là không có cơ sở để chấp nhận.

[8] Ý kiến của người bào chữa bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn, kiểm sát viên là phù hợp với các chứng cứ và tình tiết của vụ án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị tiếp tục có hiệu lực thi hành

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166, Điều 170, Điều 179 và Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận đơn yêu cầu kháng cáo của ông Võ Thành H và ông Võ Thanh T.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị K.

Công nhận cho bà Võ Thị K được quyền sử dụng các thửa đất: số 20 diện tích 891m^2 đất chuyên trồng lúa nước; thửa đất 618 diện tích 731m^2 đất chuyên trồng lúa nước; thửa đất số 619 diện tích 1.420m^2 đất trồng cây lâu năm; cùng tờ bản đồ số 38; Thửa đất số 352 diện tích 4.658m^2 đất chuyên trồng lúa nước; thửa đất số 353 diện tích 4.345m^2 đất chuyên trồng lúa nước; thửa đất số 261 diện tích 589m^2 đất trồng cây lâu năm cùng tờ bản đồ số 34;. Các thửa đất nêu trên toạ lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bà Võ Thị K có nghĩa vụ đến cơ quan quản lý đất đai đăng ký lại biến động quyền sử dụng đất để được cấp quyền sử dụng theo quy định của pháp luật..

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Võ Thành H yêu cầu chia cho ông diện tích 3.844 m^2, cụ thể là diện tích 1.524m^2 nằm trong thửa 352; diện tích 964m^2 nằm trong 353; diện tích 422m^2 nằm trong thửa 261, cùng tờ bản đồ số 34; diện tích 76m^2 nằm trong thửa 618; diện tích 528m^2 nằm trong thửa 619 và diện tích 330m^2 nằm trong thửa 20 cùng tờ bản đồ số 38, các thửa đất cùng tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3. Không chấp nhận đơn yêu cầu độc lập của ông Võ Thanh T yêu cầu phân chia cho ông T diện tích 4.346m^2, cụ thể là diện tích 1.532m^2 nằm trong thửa 352; diện tích 1.563m^2 nằm trong 353; diện tích 167m^2 nằm trong thửa 261, cùng tờ bản đồ số 34; diện tích 354m^2 nằm trong thửa 618; diện tích 393m^2 nằm trong thửa 619 và diện tích 338m^2 nằm trong thửa 20 cùng tờ bản đồ số 38, các thửa đất cùng tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị sửa tiếp tục có hiệu lực thi hành

5. Về án phí phúc thẩm: Ông Võ Thành H, Võ Thanh T mỗi người phải chịu 300.000 đ án phí phúc thẩm. Ông H và ông T mỗi người đã nộp 300.000 đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0018577, 0018578 ngày 29/9/2023 của Chi cục thi hành án huyện Châu Thành nên cấn trừ

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Châu Thành
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Trung